

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 4/12/2023 - 8/12/2023

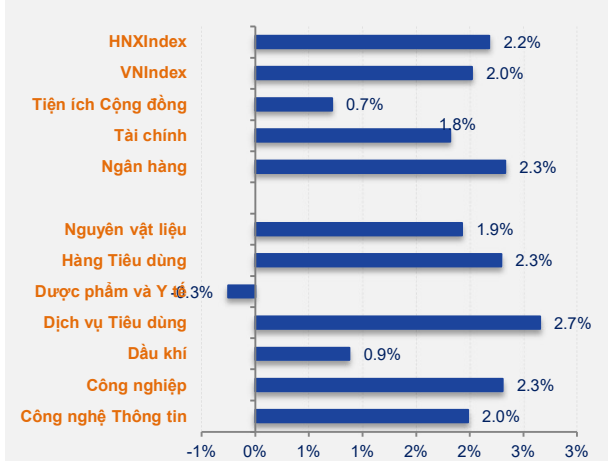
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,124.44 ↑	2.0%	231.20 ↑	2.2%
KLGD (trCP)	4,691.76 ↑	57.6%	643.75 ↑	61.5%
GTGD (tỷ VND)	104,399.33 ↑	59.9%	12,899.18 ↑	68.4%
Tổng cung (trCP)	10,163.96 ↑	39.4%	963.46 ↑	38.2%
Tổng cầu (trCP)	10,083.72 ↑	44.0%	863.67 ↑	36.7%

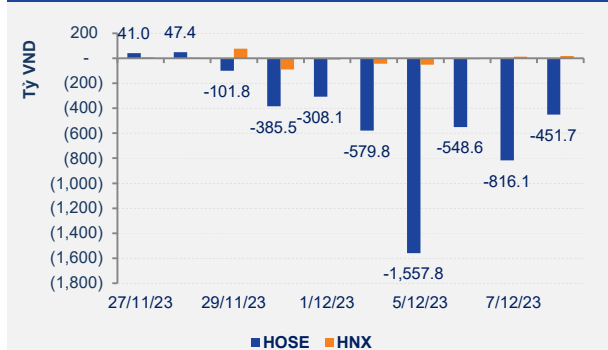
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	178.75 ↑	28.3%	3.48 ↓	-53.5%
KL bán (trCP)	314.55 ↑	88.6%	7.58 ↑	0.8%
GT mua (tỷ VND)	5,390.80 ↑	25.2%	108.76 ↓	-36.9%
GT bán (tỷ VND)	9,344.82 ↑	86.4%	181.66 ↓	-1.3%

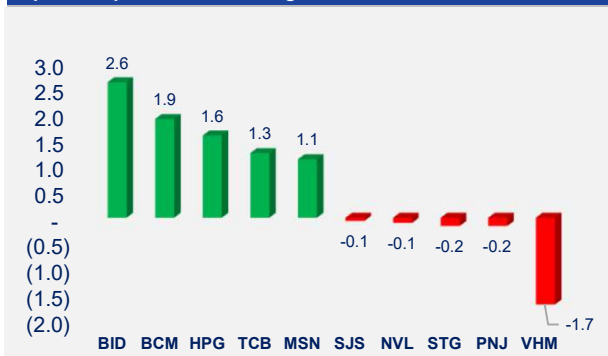
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau nhiều tuần biến động trong biên độ hẹp quanh vùng giá 1.100 điểm. VN-INDEX đã có tuần giao dịch tích cực trong những phiên đầu tuần khi tăng giá tốt lên vùng giá 1.130 điểm. Chỉ số sau đó chịu áp lực rung lắc mạnh và phục hồi tốt dưới ảnh hưởng tích cực của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30. Kết tuần VN-INDEX tăng 2,02% so với tuần trước lên mức 1.124,44 điểm với thanh khoản gia tăng mạnh. HNX-INDEX có diễn biến tương tự tích lũy ở vùng giá trung bình quanh 225 điểm. Kết tuần HNX-INDEX tăng 2,18% so với tuần trước lên mức 231.20 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 104.393,28 tỉ đồng, tăng mạnh 59,9% so với tuần trước. Trong đó có phiên giao dịch 07/12/2023 với thanh khoản đột biến quanh vùng giá trung bình MA200, khối lượng giao dịch gần 1,3 tỷ cổ phiếu, cao nhất từ tháng 9/2023, đột biến khá mạnh trong VN30. Thanh khoản HNX tăng 68,4% so với tuần trước với 12.899,18 tỉ đồng được giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng đột biến trong tuần với giá trị lên đến 3.953,89 tỷ đồng trên HOSE, bán ròng trên HNX với giá trị 72,9 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như: Quy mô GDP đã tăng hơn 100 lần, từ con số 4 tỷ USD lên 406 tỷ USD năm 2022"; Ngày 05/12/2023 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức cuộc họp trao đổi giải pháp liên quan đến nội dung ký quỹ trước giao dịch (prefunding) với nhà đầu tư nước ngoài; Theo số liệu từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), tổng số tài khoản của nhà đầu tư trong nước tại thời điểm cuối tháng 11/2023 đạt hơn 7,2 triệu đơn vị; Đây là tháng thứ hai liên tiếp số tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước giảm; Ngày 7/12/23, Thủ tướng chủ trì hội nghị bàn giải pháp tháo gỡ khó khăn về tăng trưởng tín dụng cho sản xuất, kinh doanh.

Điểm nhấn trong tuần đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, nổi bật ở nhóm cổ phiếu bán lẻ, khi nhiều mã phục hồi tăng giá tốt trước áp lực bán ròng mạnh của khối ngoại, thanh khoản tăng mạnh như MWG (+9,94%), MSN (+7,64%), PET (+5,03%), DGW (+3,30%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau giai đoạn có diễn biến kém tích cực so với nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình cũng có tuần giao dịch tích cực, thanh khoản cải thiện với đa số tăng giá tốt, nhiều mã hướng đến vùng đỉnh giá tháng 9/2023 khi VN-INDEX ở vùng giá 1.250 điểm như LPB (+6,86%), BID (+6,35%), OCB (+5,62%), EIB (+4,37%), TCB (+4,03%)....

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản phân hóa hơn, đa số vẫn có diễn biến tăng giá tích cực so với tuần trước, nhiều mã tăng giá tốt như L14 (+8,14%), DIG (+6,57%), NTL (+6,46%), PDR (+6,30%)... ngoài các mã giảm giá với LDG (-12,17%), SJS (-5,22%), VHM (-3,06%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính cũng phân hóa, đa số chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản khá đột biến trong phiên 07/12/2023 và phục hồi kém, tuy nhiên kết tuần nhiều mã vẫn tích cực với HCM (+5,08%), VDS (+4,44%), TVS (+3,96%), VIX (+2,99%) ...

Trên thị trường phái sinh kết thúc tuần kỳ hạn VN30F2312 ở mức 1.112 điểm tăng 2,01% so với tuần trước, chênh lệch gia tăng âm -2,89 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch duy trì ở mức trung bình khi thị trường biến động. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 trong giai đoạn phục hồi trên vùng hỗ trợ gần nhất 1.100 điểm, kháng cự quanh 1.120 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -4,89 điểm đến -7,99 điểm, các mức chênh lệch giữa các kỳ hạn nói rộng và quay trở lại bình thường, cho thấy các trader nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh, có thể gia tăng ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn lớn.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 4/12/2023 - 8/12/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần này VnIndex hồi phục mạnh và lấy lại ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm sau khi đã kiểm định lại trong 2 tuần trước đó, chốt tuần Vn-Index bứt phá ra khỏi mốc này và vận động tích cực để tạo ra nhịp tăng mới. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.124,44 điểm (+28,83 điểm, +2,63%). Thị trường vẫn đang trong nhịp hồi phục thứ 2 sau nhịp giảm sâu và chúng tôi cho rằng thị trường sau hồi phục sẽ dần hình thành nền tích lũy mới. Trong ngắn hạn chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ sớm vượt qua ngưỡng cản gần quanh 1.130 điểm để hướng tới vùng 1.150 điểm. Xu hướng trung hạn của chỉ số là tìm điểm cân bằng tích lũy trở lại, trong kịch bản tích cực là vùng 1.150 điểm – 1.250 điểm, trường hợp kém hơn là vùng 1.100 điểm – 1.150 điểm.

Tuần qua, số liệu tăng trưởng tín dụng cho thấy có những tín hiệu tích cực dần về cuối năm khi tăng từ mức 8,38% YTD (tính tới 23/11/23) lên 9,15% YTD tại ngày 30/11/23, tương ứng mức tăng 0,77% chỉ trong vòng 1 tuần mặc dù số liệu này vẫn khá thấp so với mức 12,02% cùng kỳ năm 2022. Để tăng cường cung ứng vốn cho các hoạt động kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng Thủ tướng đã chủ trì hội nghị để bàn về các giải pháp cho thấy quyết tâm rất lớn từ Chính phủ. Ngân hàng nhà nước cũng đã điều chỉnh hạn mức tăng trưởng tín dụng giữa các Ngân hàng và tại hội nghị nói trên cho biết cũng sẽ xem xét về đề xuất kéo dài Thông tư 02 về giãn thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ. Tuy nhiên việc đạt được mục tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm 14,5% là khó khăn trong bối cảnh khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp thấp, thị trường bất động sản, trái phiếu còn cần nhiều thời gian để phục hồi. Nhìn chung trong bối cảnh vĩ mô hiện tại nếu thị trường tìm đến điểm cân bằng và tạo nền tích lũy chờ động thái chuyển động vĩ mô tiếp theo cũng là vận động phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang trong nhịp hồi phục thứ 2 và hướng tới kháng cự 1.150 điểm, VnIndex đã test hỗ trợ 1.100 điểm thành công và nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có thể giải ngân với quan điểm thận trọng bởi nhịp hồi không phải là xu hướng uptrend tiếp diễn nên sẽ có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Trong trung, dài hạn thị trường dù mất xu hướng uptrend nhưng sẽ đi tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại nên rủi ro trung dài hạn không cao. Nhà đầu tư trung hạn vẫn có thể gia tăng tỷ trọng, hướng giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy hiện nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

4/12/2023

-

8/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BFC	24.95	21-22	26-27	21	11.1	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.00	13-14	17.5-18.5	12	7.7	75.4%	-68.3%	Theo dõi giải ngân
PET	27.15	24.5-25.5	31-32	23	36.9	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	41.45	37-38	44-46	35	9.0	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.70	31-33	38-39	29	8.4	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	32.55	30.5-31.2	34-35	29	17.2	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
11/1/2023	BVS	25.30	22.3	28-28.5	25	13.5%	Nắm giữ
11/1/2023	DTD	26.20	18.6	26-27	24	40.9%	Nắm giữ
11/8/2023	PVT	26.00	24.45	30-31	25.5	6.3%	Nắm giữ
11/8/2023	PHR	48.05	45.1	52-53	47	6.5%	Nắm giữ
22/8/2023	LSS	11.50	11.4	15-16	11	0.9%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

UOB: Quý IV/2023, GDP dự báo tăng lên 7,0% so với cùng kỳ năm trước

Bộ phận Nghiên cứu Thị trường và Kinh tế toàn cầu của UOB vừa có những dự báo về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong quý IV/2023 với nhiều điểm nổi bật. Theo đó, UOB duy trì dự báo tăng trưởng cả năm của Việt Nam ở mức 5,0%, với giả định tốc độ tăng trưởng GDP thực tế trong quý IV/2023 sẽ tăng lên 7,0% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu tôm dự kiến đạt 3,4 tỷ USD, thấp hơn so với năm 2022

Xuất khẩu tôm vẫn bị chi phối bởi cạnh tranh về giá trong bối cảnh nguồn cung tôm thế giới dư thừa, giá bán hạ; xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chính đều thấp hơn so với cùng kỳ. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu tôm tháng 11 đạt trên 310 triệu USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu tôm đến tháng 11/2023 ước đạt 3,15 tỷ USD, giảm 22% so với cùng kỳ năm ngoái. VASEP dự báo xuất khẩu tôm năm 2023 dự kiến sẽ đạt khoảng 3,4 tỷ USD, thấp hơn 21% so với năm 2022.

NHNN sẽ xem xét kéo dài Thông tư 02 về giãn thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và cân nhắc việc bỏ room tín dụng

Thống đốc Nguyễn Thị Hồng cho biết, NHNN đang rà soát sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật và vẫn dựa trên nguyên tắc tháo gỡ khó khăn nhưng phải quản lý chặt chẽ rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống. Đối với đề nghị kéo dài thời gian Thông tư 02, Thống đốc cho biết, NHNN sẽ xem xét đánh giá nghiên cứu đề xuất trên. Đối với vấn đề điều hành tăng trưởng tín dụng, Thống đốc cho biết, NHNN xem xét, đánh giá lại toàn bộ quá trình điều hành chỉ tiêu room tín dụng những mặt được cũng như chưa được. Trong thời gian tới, việc có tiếp tục duy trì room tín dụng hay không hoặc có lộ trình như thế nào... sẽ trên tinh thần khắc phục hạn chế tạo điều kiện đảm bảo tiêu chí kiểm soát được rủi ro tín dụng. Còn một số ý kiến liên quan đến TCTD thủ tục cho vay, định giá TSDB, cho vay tín chấp, giảm lãi suất... NHNN đề nghị TCTD cố gắng nhất có thể để tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OCB	3,642,300	VHM	(24,370,005)
2	VHC	2,236,600	FUEVFNVD	(12,467,700)
3	ITA	2,206,190	SHB	(11,954,605)
4	CRE	2,171,361	VND	(11,242,615)
5	DXS	1,907,500	FUESSVFL	(11,037,790)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HUT	1,183,560	SHS	(5,090,224)
2	LAS	151,261	CEO	(674,230)
3	VIG	131,900	PVS	(570,950)
4	SD5	53,600	TIG	(352,820)
5	EVS	43,800	IDC	(254,375)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	16.45	17.45	↑ 6.08%	240,318,642
VND	21.05	22.00	↑ 4.51%	202,434,236
HAG	11.25	12.40	↑ 10.22%	156,153,212
HPG	27.00	27.60	↑ 2.22%	150,183,997
NVL	18.10	17.50	↓ -3.31%	149,045,478

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.10	18.90	↑ 4.42%	192,253,412
CEO	21.90	23.40	↑ 6.85%	93,113,710
HUT	19.50	20.80	↑ 6.67%	41,033,705
PVS	39.00	38.80	↓ -0.51%	33,820,095
MBS	21.60	22.60	↑ 4.63%	30,912,147

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ITA	5.76	7.30	1.5	↑ 26.74%
BTP	13.40	16.65	3.3	↑ 24.25%
VMD	16.65	20.15	3.5	↑ 21.02%
CRE	7.50	8.71	1.2	↑ 16.13%
DXS	7.01	8.10	1.1	↑ 15.55%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTH	7.10	10.90	3.8	↑ 53.52%
MAC	10.10	13.60	3.5	↑ 34.65%
ATS	9.10	11.60	2.5	↑ 27.47%
HMH	10.80	13.30	2.5	↑ 23.15%
LIG	4.00	4.80	0.8	↑ 20.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

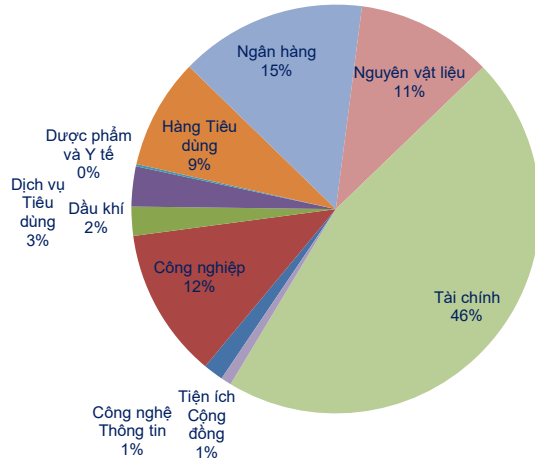
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ELC	25.65	19.60	-6.1	↓ -23.59%
CMG	48.95	38.60	-10.4	↓ -21.14%
LDG	3.81	3.10	-0.7	↓ -18.64%
STG	52.00	44.65	-7.4	↓ -14.13%
TDW	52.60	46.05	-6.6	↓ -12.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTP	22.50	18.20	-4.3	↓ -19.11%
SDU	32.40	26.30	-6.1	↓ -18.83%
BED	34.90	28.40	-6.5	↓ -18.62%
CMC	6.80	5.60	-1.2	↓ -17.65%
PMS	33.20	28.20	-5.0	↓ -15.06%

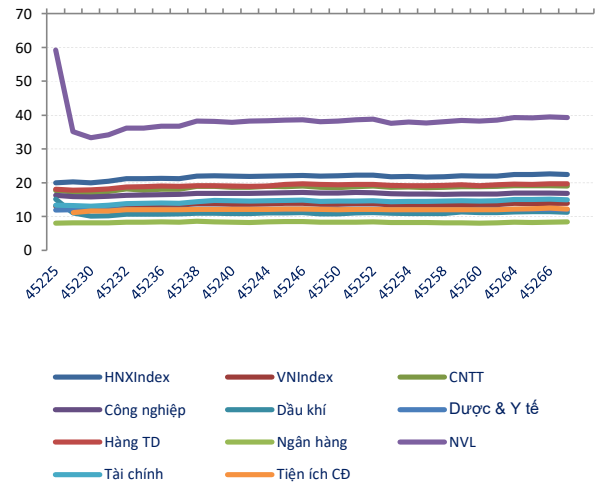
(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	240,318,642	8.2%	1,005	17.4	1.4
VND	202,434,236	7.8%	957	23.0	1.7
HAG	156,153,212	18.6%	1,070	11.6	2.2
HPG	150,183,997	1.9%	322	85.8	1.6
NVL	149,045,478	-1.4%	-309	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	192,253,412	5.4%	643	29.4	1.5
CEO	93,113,710	6.7%	955	24.5	1.9
HUT	41,033,705	0.8%	122	170.9	1.7
PVS	33,820,095	6.7%	1,846	21.0	1.4
MBS	30,912,147	10.4%	1,104	20.5	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	↑ 26.7%	-2.1%	-232	-	0.7
BTP	↑ 24.3%	3.4%	709	23.5	0.8
VMD	↑ 21.0%	8.8%	2,375	8.5	0.8
CRE	↑ 16.1%	-1.0%	-120	-	0.7
DXS	↑ 15.5%	-1.9%	-269	-	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTH	↑ 53.5%	5.8%	652	16.7	0.9
MAC	↑ 34.7%	23.3%	2,538	5.4	1.1
ATS	↑ 27.5%	0.6%	74	156.6	0.9
HMH	↑ 23.1%	3.7%	575	23.1	0.8
LIG	↑ 20.0%	0.5%	70	68.7	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	3,642,300	16.9%	2,201	6.4	1.0
VHC	2,236,600	12.9%	5,656	13.4	1.7
ITA	2,206,190	-2.1%	-232	-	0.7
CRE	2,171,361	-1.0%	-120	-	0.7
DXS	1,907,500	-1.9%	-269	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

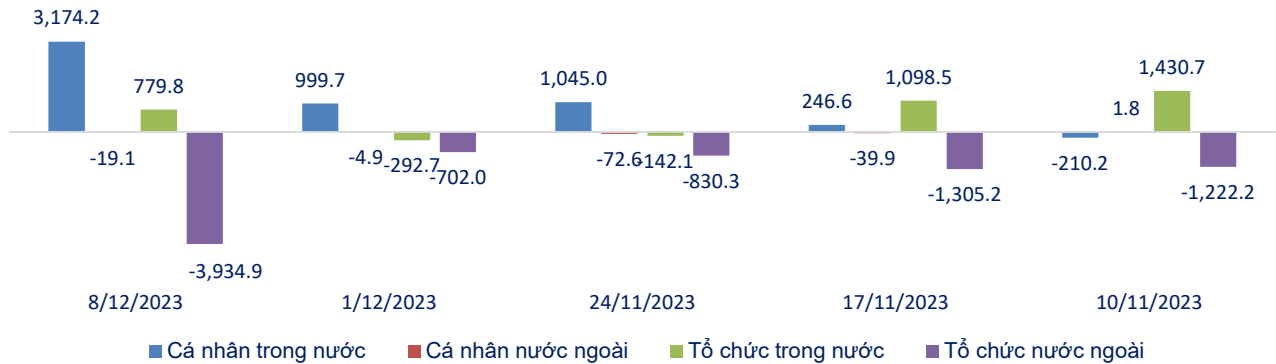
Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	1,183,560	0.8%	122	170.9	1.7
LAS	151,261	8.5%	1,018	14.2	1.2
VIG	131,900	6.8%	501	16.0	1.1
SD5	53,600	3.4%	619	11.9	0.4
EVS	43,800	5.9%	688	12.9	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	476,191	22.6%	6,013	14.2	3.0
BID	231,438	17.6%	3,450	11.8	1.9
GAS	178,916	19.0%	5,283	14.7	2.9
VHM	172,868	25.0%	9,468	4.2	1.0
VIC	163,236	2.7%	977	43.8	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,564	0.8%	122	170.9	1.7
PVS	18,545	6.7%	1,846	21.0	1.4
IDC	16,467	17.0%	3,177	15.7	2.9
SHS	15,369	5.4%	643	29.4	1.5
THD	13,475	2.9%	460	76.1	2.2

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	954.70	25.0%	9,468	4.2	1.0
STB	334.79	17.5%	3,825	7.5	1.2
VNM	296.95	24.4%	4,029	17.0	4.2
VND	230.85	7.8%	957	23.0	1.7
DXG	172.24	-2.0%	(456)	-	0.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-162.37	20.7%	2,926	6.4	1.3
DGC	-127.88	29.7%	9,010	10.8	3.0
NVL	-108.45	-1.4%	(309)	-	0.8
KBC	-66.46	7.6%	1,892	17.0	1.2
VHC	-62.36	12.9%	5,656	13.4	1.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	19.01	22.4%	4,290	4.3	1.0
SSI	11.22	8.9%	1,346	24.4	2.2
VHM	8.22	25.0%	9,468	4.2	1.0
TPB	7.96	17.0%	2,483	7.1	1.2
VPB	6.27	9.7%	1,496	13.1	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	-14.20	-47.5%	(3,857)	-	0.7
VIX	-11.68	8.2%	1,005	17.4	1.4
NVL	-7.09	-1.4%	(309)	-	0.8
VCB	-6.77	22.6%	6,013	14.2	3.0
PC1	-6.72	3.6%	814	33.2	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	325.50	N/A	N/A	N/A	N/A
HPG	266.29	1.9%	322	85.8	1.6
FUESSVFL	200.40	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	155.66	20.7%	2,926	6.4	1.3
NVL	104.48	-1.4%	(309)	-	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

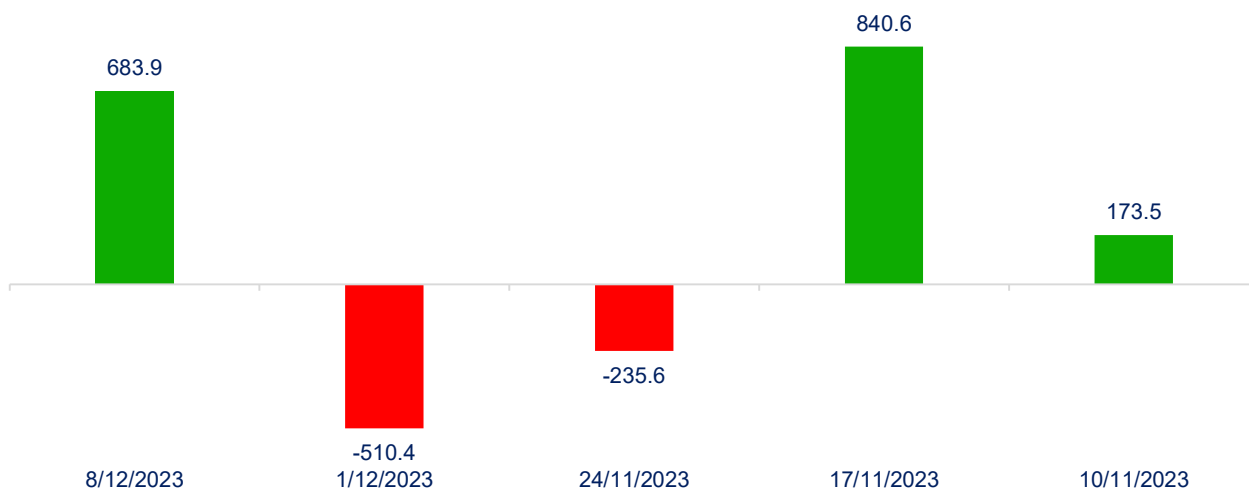
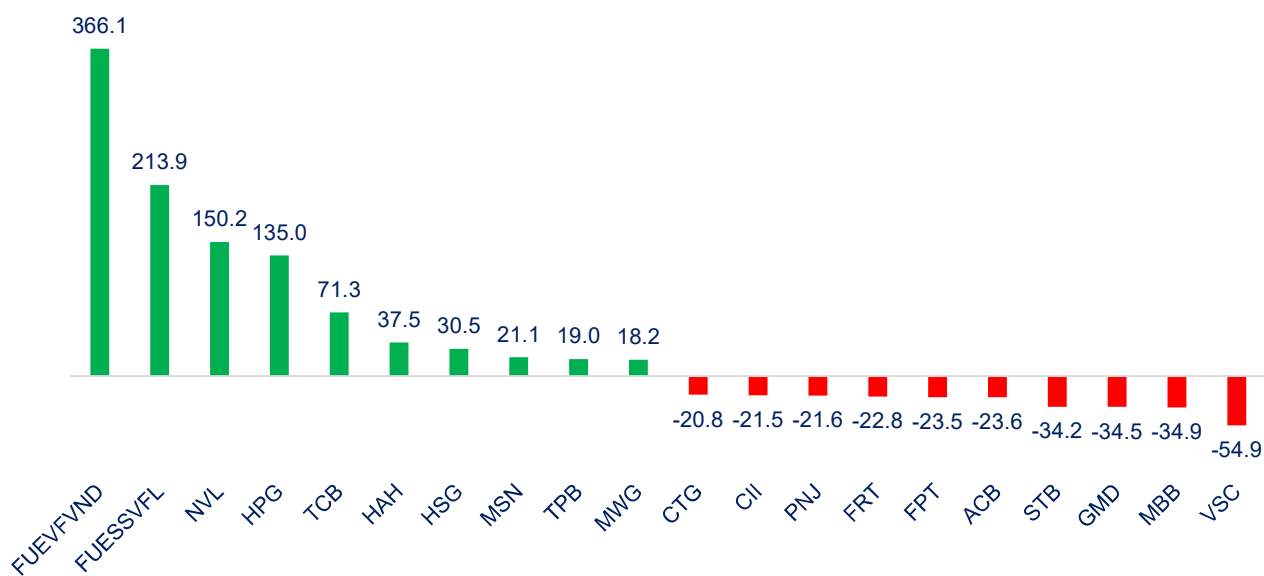
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	-104.01	12.9%	5,656	13.4	1.7
TCB	-100.16	14.2%	4,864	6.3	0.9
PNJ	-64.71	19.8%	5,505	14.3	2.7
GMD	-58.80	25.9%	7,606	9.3	2.3
DPM	-52.07	12.3%	4,017	8.4	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	163.57	12.9%	5,656	13.4	1.7
DGC	104.05	29.7%	9,010	10.8	3.0
BID	54.73	17.6%	3,450	11.8	1.9
OCB	51.13	16.9%	2,201	6.4	1.0
KBC	38.43	7.6%	1,892	17.0	1.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-986.98	25.0%	9,468	4.2	1.0
FUEVFVND	-314.37	N/A	N/A	N/A	N/A
VNM	-307.22	24.4%	4,029	17.0	4.2
STB	-299.60	17.5%	3,825	7.5	1.2
VND	-254.23	7.8%	957	23.0	1.7

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)

Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)




LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
2/11/2023	8/12/2023	17/11/2023	16/11/2023	GVR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/11/2023	8/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10/11/2023	8/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	LMI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/11/2023	8/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	KTS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/11/2023	8/12/2023	27/11/2023	24/11/2023	TMP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/11/2023	8/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	MAC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/11/2023	8/12/2023	20/11/2023	17/11/2023	MAC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/11/2023	8/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	GLT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/11/2023	8/12/2023	29/11/2023	28/11/2023	PTO	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/10/2023	9/12/2023	10/11/2023	9/11/2023	VPC	Đại hội Đồng Cổ đông
24/10/2023	9/12/2023	8/11/2023	7/11/2023	KHS	Đại hội Cổ đông Bất thường
27/10/2023	11/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	TL4	Đại hội Cổ đông Bất thường
27/10/2023	11/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	TDB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/11/2023	11/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	TPS	Đại hội Cổ đông Bất thường
9/11/2023	11/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	PVC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/11/2023	11/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	CRV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/11/2023	11/12/2023	24/11/2023	23/11/2023	HNF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/11/2023	11/12/2023	1/12/2023	30/11/2023	PPH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26/10/2023	12/12/2023	15/11/2023	14/11/2023	VOC	Đại hội Cổ đông Bất thường
6/11/2023	12/12/2023	21/11/2023	20/11/2023	BMP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/11/2023	12/12/2023	29/11/2023	28/11/2023	GHC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/11/2023	12/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	SEB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/11/2023	12/12/2023	29/11/2023	28/11/2023	TA9	Trả cổ tức bằng tiền mặt
1/12/2023	12/12/2023	11/12/2023	8/12/2023	IDP	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
1/12/2023	12/12/2023	8/12/2023	8/12/2023	CTX	Tạm dừng Niêm yết
29/11/2023	12/12/2023	8/12/2023	7/12/2023	DNH	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
15/11/2023	13/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	HLB	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
22/11/2023	13/12/2023	30/11/2023	29/11/2023	NVL	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
18/10/2023	14/12/2023	7/11/2023	6/11/2023	NSS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/10/2023	14/12/2023	10/11/2023	9/11/2023	TFC	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
